

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Xây dựng cầu 75 do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324829 ngày 30/9/2010 với Vốn điều lệ là 10.492.714.912 đồng. Công ty được cổ phần hóa chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 1468/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2013 của Bộ Giao thông Vận tải. Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 18/6/2019 về việc tăng vốn điều lệ.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324829 ngày 18/6/2019 với vốn điều lệ là 65.988.700.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ chín trăm tám mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75**

Trụ sở chính: Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đào Ngọc Ký	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
	Ông Đặng Đình Đầu	Thành viên
	Ông Phùng Văn Tình	Thành viên
	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phùng Văn Tình	Giám đốc
	Ông Trần Đình Thanh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Quý Trường	Phó Giám đốc (Nghỉ hưu ngày 01/5/2019)
	Ông Lương Đức Bằng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/7/2019)
	Ông Nguyễn Quốc Cường	Phó Giám đốc
	Ông Võ Văn Cao	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Phùng Văn Tình

Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Số: 298/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75, được lập ngày 19/03/2020, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		437.233.470.253	344.047.169.625
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	76.929.995.223	66.878.269.941
1. Tiền	111		76.929.995.223	66.878.269.941
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.064.544.070	185.202.788.285
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	270.931.633.216	292.411.316.066
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	42.639.587.113	22.323.790.705
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		6.314.818.435	388.563.799
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	67.392.643.486	14.623.070.781
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(141.214.138.180)	(144.543.953.066)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	108.259.843.195	83.963.438.262
1. Hàng tồn kho	141		108.259.843.195	83.963.438.262
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.979.087.765	8.002.673.137
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	5.979.087.765	7.976.889.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	25.783.577
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.718.635.286	41.548.750.009
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.483.341.923	850.744.223
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	2.483.341.923	850.744.223
II. Tài sản cố định	220		34.310.719.765	31.147.181.900
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	34.310.719.765	31.147.181.900
- Nguyên giá	222		108.672.797.644	101.127.611.826
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.362.077.879)	(69.980.429.926)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		642.872.356	642.872.356
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	642.872.356	642.872.356
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.281.701.242	8.907.951.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	8.281.701.242	8.907.951.530
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		482.952.105.539	385.595.919.634

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Mẫu B 01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

			31/12/2019	01/01/2019
	MS	TM	VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		400.491.419.259	312.788.801.784
I. Nợ ngắn hạn	310		399.116.784.791	309.279.480.467
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	111.106.527.424	116.567.279.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	215.296.286.139	109.775.433.731
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	15.794.705.224	23.882.940.861
4. Phải trả người lao động	314		8.461.737.448	9.607.305.668
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	10.550.281.342	11.600.281.342
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		24.016.795.225	20.205.431.225
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	12.442.933.181	16.972.050.941
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.447.518.808	668.756.808
II. Nợ dài hạn	330		1.374.634.468	3.509.321.317
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	10.000.000	3.156.071.317
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	1.364.634.468	353.250.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		82.460.686.280	72.807.117.850
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	82.460.686.280	72.807.117.850
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65.988.700.000	56.400.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.988.700.000	56.400.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		298.545.000	298.545.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		373.712.483	7.451.376.483
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.799.728.797	8.656.596.367
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		233.294.367	288.473.188
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.566.434.430	8.368.123.179
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		482.952.105.539	385.595.919.634

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thị Ngọc Lan

Lê Thị Minh Thoa

Phùng Văn Tình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	465.089.750.692	409.175.350.202
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	516.545.017	10.863.198.183
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	464.573.205.675	398.312.152.019
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	432.214.761.742	358.186.321.529
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		32.358.443.933	40.125.830.490
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	294.886.866	101.243.126
7. Chi phí tài chính	22	5.20	84.690.680	495.753.304
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		84.690.680	495.753.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	15.202.227.737	35.571.582.534
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		17.366.412.382	4.159.737.778
11. Thu nhập khác	31	5.22	12.529.523.162	15.345.051.688
12. Chi phí khác	32	5.22	10.419.335.868	8.572.118.472
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	2.110.187.294	6.772.933.216
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		19.476.599.676	10.932.670.994
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	3.910.165.246	2.564.547.815
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.566.434.430	8.368.123.179
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	2.525	1.335

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thị Ngọc Lan

Lê Thị Minh Thoa

Phùng Văn Tình